

WINTER GRIP

WINTERGRIP

Overshoe cho băng và t ất cả các b ề mặt

- Thành phần : gai cao su và thép
- Sử dụn g chuyên trí: ng uy và ng ăn ch ặn ng ã t ại g ót g ót ni g hóc khi ở ngoài t
- Phạm vi gai có th ể hoán đổi cho nhau
- Dễ dà y th óa
- Có th ể gi ặt ít to ất cả các l
- ử dụn g tái s

5.79 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Cao su (NBR)
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	SAU ĐÓ
Phạm vi kích thước	EU M38-42
ng lượng thép	0.545 kg
ẩn hóa u chu	Expert statement based on protocol CTC CE C 001
chứng nhận	TG certification (Specific TG test items)



SRA

rượt là mộ trong những tính năng giày quan và giày SRA lao dụng thêm và phòng pha loãng.

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g

ường: **Môi** t
Có t u yế t và băng giá

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ khôn trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
goài Đ	**Cao su (NBR)**			
	Ch ố mài mòn (ngoài (		? 150	mm
	Chư ố trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t		? 0.31	ma sát
	rư ợt có bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t		? 0.36	ma sát
	rư ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t		? 0.19	ma sát
	Chư ố trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t		? 0.22	ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n		0.1 - 1000	megaohm
	rị ESD Giá t		0.1 - 100	megaohm
	Hấp thụ năng l ở gót chân củ		? 20	J
Đ ứ n g đã	**SAU ĐÓ**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)		N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)		N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)		N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)		N/A	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi Giày tôi có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có văn bản của chúng tôi.

hân sinh Dấu thái:

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO#hát** thả				
	V ật l iệu		3.60	kg
	Bao bì		0.03	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
				5.79 kg CO2/cặp

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t u	K q
ệ vật l	Tiệy **tái** ch ế			
	Product		0%	
	Bao bì		0%	

Tính toán CO2:
rị đ giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán tiên tiến và có thể thay đổi.